

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 29-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Lệ Tuyết

Ông Trần Minh Năng

- T ký phiên tòa: Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Kiên Thị Diệu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2019/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXX-ST ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Đặng Anh T, sinh năm 1990; Cư trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn An Bửu Đ, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; Cư trú tại: khóm P, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Đặng Anh T trình bày: Chị và anh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là khi chị mang thai được 08 tháng thì bắt đầu bất đồng quan điểm trong cuộc sống xảy ra cự cãi từ việc tôi chị coi phim trên điện thoại dẫn đến vợ chồng lời qua tiếng lại xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và chị dọn đồ ra ở nhà trọ sự việc xảy ra gia đình hai bên có khuyên ngăn và chị cũng cho cơ hội để vợ chồng hiểu nhau. Trong thời gian sinh con 4 tháng đầu anh Đ có tới lui để thăm con nhưng do anh Đ không thay đổi tính tình nên giữa chị

và anh Đ bất đồng quan điểm trong cuộc sống xảy ra cự cãi ngày càng trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn khả năng để đoàn tụ chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn An Bửu Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 19-12-2016. Hiện chị T đang nuôi và đi học mẫu giáo, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con và yêu cầu anh Nguyễn An Bửu Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 7 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn An Bửu Đ trình bày: Vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2016. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ anh mang thai 08 tháng tới đến vào phòng không ngủ mà luôn mở điện thoại bậc loa xem phim dẫn đến anh khuyên ngăn nhưng vợ không sửa đổi đã xảy ra cự cãi và dọn ra nhà trọ ở và về nhà cha mẹ sinh con cho đến nay. Trong thời gian vợ sinh con anh có tới lui thăm chăm sóc con được 04 tháng, sau đó xảy ra bất đồng ý kiến và anh không đến thăm con từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh đã cất nhà riêng tự lập có bàn bạc với chị T để trở về tiếp tục chung sống nuôi con nhưng không đạt được và ly thân cho đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn chị Nguyễn Đăng Anh T và không đồng ý giao con Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 19-12-2016 chị T nuôi và cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh là cán bộ nhân viên điện lực thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng.

Về tài sản, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn liên tục từ lúc chị T có thai đến khi ly thân và đến nay vẫn còn. Nhận thấy vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nhưng hiện đã ly thân thời gian dài không còn sống chung do đó hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên chị T yêu cầu ly hôn anh Đ là có cơ sở phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung:Cháu Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 19/12/2016 tính đến ngày xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi theo luật định là phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi mặc khác chị T cũng có thu nhập ổn định, còn chỗ ở và nơi học tập của cháu Duy A gần gia đình và nơi làm việc của chị đồng thời ông bà của cháu Duy A luôn quan tâm nên cháu Duy A vẫn phát triển mọi mặt, khỏe mạnh bình thường. Nên yêu cầu của chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Duy A là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ thừa nhận đã có nhà riêng và bản thân là cán bộ Điện lực với thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng, nên căn cứ vào mức thu nhập và khả năng thực tế của anh Đ mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Đặng Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng đối với anh NguyễnAn Bửu Đ. Căn cứ quy định tại Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn anh Nguyễn An Bửu Đ có nơi cư trú tại khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải nên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân chị Nguyễn Đặng Anh T và anh NguyễnAn Bửu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tân An huyện Càng Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/3/2016. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi sinh con xong được 01 năm và đến năm 2017 tiếp tục bất đồng quan điểm xảy ra mâu thuẫn trầm trọng anh Đ không tới lui thăm con, đến nay giữa chị T và anh Đ ly hôn gần 02 năm đã không còn yêu thương, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc ai sống ra sao thì sống. Tòa án đã tổ chức hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn hợp nhau. Tại phiên tòa chị T xác định không thể tiếp tục sống chung với anh Đ và cương quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung Chị Nguyễn Đặng Anh T và anh NguyễnAn Bửu Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 19-12-2016. Hiện tại cháu Duy

A đang sống chung với chị T tại nhà cha mẹ của chị T. Thu nhập lương hàng tháng của chị T đảm bảo việc ăn uống, học hành của cháu Duy A. Cháu Duy A dưới 36 tháng tuổi, cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Duy A theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Duy A.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện anh Đ là cán bộ ngành Điện lực, theo anh Đ khai mức thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng -7.000.000 đồng, đây là mức thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là cao so với thu nhập của anh Đ, vì ngoài thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ còn phải lo chi phí cho cuộc sống của anh Đ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị T, buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Duy A sinh ngày 19-12-2016 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung Duy A đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và Đ trình bày không có và không yêu cầu nên không xét đến.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Đặng Anh T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và anh Nguyễn An Bửu Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, Điều 107 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 282, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Đặng Anh T. Cho chị Nguyễn Đặng Anh T ly hôn anh Nguyễn An Bửu Đ.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Đặng Anh T. Giao cho chị Nguyễn Đặng Anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Duy A sinh ngày 19-12-2016.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Đặng Anh T.

Buộc anh Nguyễn An Bửu Đ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Duy A sinh ngày 19-12-2016 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi Nguyễn Ngọc Duy A tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Đặng Anh T ly hôn anh Nguyễn An Bửu Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Đặng Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004696 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, chị T đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn An Bửu Đ phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã Tân An;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Trung

